

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định mức thu học phí, phí và lệ phí năm học 2017-2018

### VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 535/ TTg ngày 03 tháng 11 năm 1993 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 675/BGD&ĐT ngày 16/02/1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định phê duyệt các chương trình đào tạo các ngành, chuyên ngành của Viện trưởng Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ về việc quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí- Luật số: 97/2015/QH13 ngày 15 tháng 01 năm 2015 có hiệu lực từ 01/01/2017 và Công văn số 1258/BGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 3 năm 2017 hướng dẫn cơ chế tài chính kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2017;

Căn cứ Biên bản họp bàn về xây dựng mức học phí năm học 2017-2018 của Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và Trường các đơn vị về mức học phí áp dụng cho năm học 2017-2018;

Xét đề nghị của Trường phòng Kế hoạch tài chính, Trường phòng Quản lý Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về mức thu học phí, phí và lệ phí năm học 2017 - 2018.

Điều 2. Quy định mức thu học phí ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng trong năm học 2017-2018 và thay thế các văn bản quy định mức thu học phí trước đây.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường phòng Kế hoạch Tài chính, Trường phòng Quản lý Đào tạo và Trường các đơn vị thuộc Viện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu VT.



TS. Trương Tiến Tùng



**QUY ĐỊNH  
VỀ MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2017-2018**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 206 ngày 26/6/2017 của Viện trưởng Viện Đại học Mở Hà Nội)

	HỆ/BẠC/NGÀNH ĐÀO TẠO	TRONG GIỜ HÀNH CHÍNH		NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH		THỜI ĐIỂM ÁP DỤNG
		MỨC HỌC PHÍ THEO NIÊN CHẾ (đồng/tháng)	MỨC HỌC PHÍ THEO TC (đồng/tín chỉ)	MỨC HỌC PHÍ THEO NIÊN CHẾ	MỨC HỌC PHÍ THEO TC (đồng/tín chỉ)	
<b>I</b>	<b>SAU ĐẠI HỌC</b>					
1	<b>Tiến sĩ</b>					
-	Ngôn ngữ Anh	1,850,000	755,000	2,775,000	1,133,000	01/8/2017
2	<b>Thạc sĩ</b>					
Nhóm 1	Kỹ thuật Điện tử, Kỹ thuật viễn thông	1,305,000	435,000	1,958,000	653,000	01/8/2017
	CN Thông tin					
	CN sinh học					
Nhóm 2	Ngôn ngữ Anh	1,110,000	370,000	1,665,000	555,000	01/8/2017
	Quản trị kinh doanh					
	Kế toán					
	Luật kinh tế					
3	<b>Học phí gia hạn bảo vệ luận văn tốt nghiệp</b>	Bảng số tín chỉ của kỳ bảo vệ luận văn tốt nghiệp x mức thu học phí của 1 tín chỉ				
<b>II</b>	<b>ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, SONG BẰNG</b>					
Nhóm 1	CN Thông tin; CN kỹ thuật Điện tử, truyền thông; CN sinh học	870,000	233,000			01/8/2017
	Quản trị du lịch, khách sạn; Hướng dẫn du lịch; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung quốc					
	Thiết kế nội thất; Thiết kế đồ họa; Thiết kế thời trang; Kiến trúc		252,000			
Nhóm 2	Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính- Ngân hàng; Luật; Luật kinh tế; Luật quốc tế	740,000	207,000			
<b>III</b>	<b>CAO ĐẲNG</b>					
-	CN Thông tin	700,000	189,000			
<b>IV</b>	<b>ĐẠI HỌC KHÔNG CHÍNH QUY</b>					
1	<b>Đại học ( VHVL,VB2, Liên thông)</b>					
Nhóm 1	CN Thông tin; CN Kỹ thuật điện tử, truyền thông; CN sinh học			1,305,000	349,000	01/08/2017
	Quản trị du lịch, khách sạn; Hướng dẫn du lịch; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung quốc				377,000	
	Thiết kế nội thất; Thiết kế đồ họa; Thiết kế thời trang; Kiến trúc					
Nhóm 2	Kế toán; Quản trị kinh doanh; tài chính- Ngân hàng; Luật; Luật kinh tế, Luật quốc tế			1,110,000	311,000	
	<i>Học phí học lại</i>					
-	CN thông tin; CN kỹ thuật điện tử, truyền thông; CN sinh học; Quản trị du lịch, khách sạn			270,000		01/08/2017
-	Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính- Ngân hàng; Luật; Luật kinh tế; Luật quốc tế			263,000		
2	<b>Đại học Từ xa</b>					
-	Đại học Từ xa truyền thống			160,000	240,000	01/9/2017
-	Đại học Từ xa trực tuyến (E-learning) Topica- HOU			213,000	320,000	01/08/2017
-	Đại học Từ xa trực tuyến (E-learning) Ehou			160,000	240,000	
-	Học phí môn thi tốt nghiệp lần đầu	2.400.000đ/SV				



## QUY ĐỊNH

### VE MỨC THU CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ NĂM HỌC 2017 – 2018

(Ban hành kèm theo Quyết định số 206/QĐ-ĐHM ngày 26/ 6 /2017 của Viện trưởng Viện Đại học Mở Hà Nội)

TT	HỆ/ BẠC ĐÀO TẠO	MỨC THU
<b>I</b>	<b>LỆ PHÍ</b>	
1	Lệ phí tuyển sinh môn năng khiếu (Kiến trúc, TDCN)	300.000đ/thí sinh
2	Lệ phí tuyển sinh hệ đại học không CQ, Liên thông , VB2 , Txa	
-	Lệ phí dự thi	100.000đ/môn thi
-	Lệ phí xét tuyển	60.000đ/hồ sơ
3	Lệ phí tuyển sinh đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ	
-	Phí đăng ký dự thi	100.000đ/thí sinh/hồ sơ
-	Lệ phí dự thi thạc sĩ	150.000đ/môn thi
-	Lệ phí dự tuyển nghiên cứu sinh	1.000.000đ thí sinh/hồ sơ
4	Lệ phí thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ	300.000đ/sinh viên
5	Lệ phí thi lại chuẩn đầu ra ngoại ngữ	60.000đ/kỹ năng
6	Lệ phí thi lại hệ từ xa	150.000đ/học phần
7	Lệ phí thi lại tốt nghiệp hệ từ xa	600.000đ/môn thi
<b>II</b>	<b>PHÍ</b>	
1	Phí nhập học (thủ tục nhập học, thẻ SV, khai giảng)	200.000đ/sinh viên
2	Phí cấp bản sao bằng và bảng điểm khi TN (trừ hệ TX)	50.000đ/ sinh viên
3	Phí xét miễn môn	50.000đ/học phần
4	Phí phúc khảo điểm thi tuyển sinh và tốt nghiệp	100.000đ /1 môn thi
5	Các khoản phí khác	
-	Cấp lại bản sao bằng TN sau khi đã TN	30.000/1 bản sao
-	Cấp lại bản sao bảng điểm sau khi đã tốt nghiệp	10.000đ/1 bản sao
-	Cấp lại thẻ bảo hiểm y tế	30.000/ 1 thẻ
-	Cấp lại thẻ SV	30.000/ 1 thẻ